

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHXH&NV
THƯ VIỆN TRƯỜNG

DANH MỤC TÀI LIỆU TRONG ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC KHOA NGỮ VĂN TRUNG QUỐC

STT	TÊN HỌC PHẦN	GIẢNG VIÊN	LOẠI TL	TÀI LIỆU HỌC TẬP - THAM KHẢO	MÔN LOẠI	KHO	SỐ BẢN	GHI CHÚ SỐ HÓA	ĐKCB/ISBN
1	Chính Âm		GT	经理人汉语：语音篇 / 张晓慧 总主编；李明 编.- 北京：外语教学与研究出版社, 2009. - 102 页：图；29 cm.	495.11 J564 2009	2	1	C	TQL234
2	Chính Âm		TK	汉语普通话语音图解课本：教师用书 / 刘广徽, 金晓达 编.- 北京：北京语言大学出版社, 2017. - 128 页：图；26 cm.	495.101 H233 2017	2	1	C	TQV3277
3	Chính Âm		TK	汉语语音教程 / 曹文 主编.- 北京：北京语言文化大学出版社, 2002. - 203 页；28 cm.		Tủ sách của Khoa		C	
4	Chính Âm		PM	Hello Chinese		Web		C	
5	Dịch cao cấp		GT	博雅汉语：高级飞翔. 篇 II / 李晓琪 主编；金舒年, 陈莉 编.- 北京：北京语言大学出版社, 2019. - 292 页：图；29 cm. + 1光盘.	495.180711 B662 2019	2	1	C	TQL237
6	Dịch cao cấp		TK	越汉翻译教程 = Giáo trình dịch Việt - Hán / 赵玉兰 编 北京：北京大学出版社, 2011. - 249 页；21 cm.	495.1824 Y947 2011	2	1	C	TQV3279
7	Dịch cao cấp		TK	新丝路：高级速成商务汉语. I / 李晓琪 主编；李海燕 编.- 北京：北京大学出版社, 2017. - 121 页：图；29 cm. + 1光盘.	495.17071 X47 2017	2	1	C	TQL238
8	Dịch cao cấp		TK	新丝路：高级速成商务汉语. II / 李晓琪 主编；李海燕 编.- 北京：北京大学出版社, 2017. - 142 页：图；29 cm. + 1光盘.	495.17071 X47 2017	2	1	C	TQL239

9	Dịch sơ cấp 1 (D1)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất gồm 6 cuốn dành cho học viên và 2 cuốn dành cho giáo viên). T.2, Q.T / Dương Ký Châu ; Trần Thị Thanh Liêm chủ biên dịch ; Hoàng Khải Hưng ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội,	495.1 GI-108T T.2,Q.T-2013	1,2,3,4	7	C	VLa5844
10	Dịch sơ cấp 1 (D1)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất gồm 6 cuốn dành cho học viên và 2 cuốn dành cho giáo viên). T.2, Q.H / Dương Ký Châu ; Trần Thị Thanh Liêm ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013. - 168 tr. ; 27 cm.	495.1 GI-108T T.2,Q.H-2013	1,2,3,4	7	C	VLa5842
11	Dịch sơ cấp 1 (D1)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất gồm 6 cuốn dành cho học viên và 2 cuốn dành cho giáo viên). T.3, Q.T / Dương Ký Châu ; Trần Thị Thanh Liêm chủ biên dịch ; Hoàng Khải Hưng ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội,	495.1 GI-108T T.3,Q.T-2013	1,2,3,4	7	C	VLa5840
12	Dịch sơ cấp 1 (D1)		TK	Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : sơ cấp. T.1 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vũ đồng chủ biên ; Hứa Tịnh biên soạn ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020. - 131 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N T.1-2020	1,2,3,4	4	C	131000085876

13	Dịch sơ cấp 1 (D1)		TK	Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : sơ cấp. T.2 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vỹ đồng chủ biên ; Hứa Tịnh biên soạn ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020. - 139 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N T.2-2020	1,2,3,4	4	C	131000085880
14	Dịch sơ cấp 1 (D1)		TK	Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : sơ cấp. T.3 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vỹ đồng chủ biên ; Hứa Tịnh biên soạn ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020. - 131 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N T.3-2020	1,2,3,4	4	C	131000085885
15	Dịch sơ cấp 1 (D1)		TK	Hán ngữ Msutong : sơ cấp. T.4 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vỹ đồng chủ biên ; Hứa Tịnh biên soạn ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020. - 123 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N T.4-2020	1,2,3,4	4	C	131000085888
16	Dịch sơ cấp 1 (D1)		TK	Bài tập luyện dịch tiếng Trung ứng dụng (sơ - trung cấp, giao tiếp HSK) : có hỗ trợ phiên âm / Nhật Phạm chủ biên. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. - 335 tr. ; 25 cm.	495.1 B103T 2019	1,2,3,4	4	C	VVa76615
17	Dịch sơ cấp 1 (D1)		TK	Ngữ pháp tiếng Trung căn bản / Trương Âu Đông ; Đặng Thanh Tịnh dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017. - 377 tr. ; 24 cm.	495.182 NG550P 2017	1,2,3,4	4	C	131000077751

18	Dịch sơ cấp 1 (D1)		TK	Tìm về cội nguồn chữ Hán : gồm nhiều từ đã gia nhập vào kho tiếng Việt / Lý Lạc Nghị ; Nguyễn Văn Đồng dịch. - Hà Nội : Thế giới, 1997. - 1247 tr. ; 20 cm.	495.17 T310V 1997	1,2,4	3	C	1VVa00000382
19	Dịch sơ cấp 1 (D1)		PM	Website: http://www.zdic.net/				C	
20	Dịch sơ cấp 1 (D4)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất gồm 6 cuốn dành cho học viên và 2 cuốn dành cho giáo viên). T.2, Q.T / Dương Ký Châu ; Trần Thị Thanh Liêm chủ biên dịch ; Hoàng Khải Hưng ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội,	495.1 GI- 108T T.2,Q.T- 2013	1,2,3,4	7	C	VLa5844
21	Dịch sơ cấp 1 (D4)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất gồm 6 cuốn dành cho học viên và 2 cuốn dành cho giáo viên). T.2, Q.H / Dương Ký Châu ; Trần Thị Thanh Liêm ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013. - 168 tr. ; 27 cm.	495.1 GI- 108T T.2,Q.H- 2013	1,2,3,4	7	C	VLa5842
22	Dịch sơ cấp 1 (D4)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất gồm 6 cuốn dành cho học viên và 2 cuốn dành cho giáo viên). T.3, Q.T / Dương Ký Châu ; Trần Thị Thanh Liêm chủ biên dịch ; Hoàng Khải Hưng ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội,	495.1 GI- 108T T.3,Q.T- 2013	1,2,3,4	7	C	VLa5840

23	Dịch sơ cấp 1 (D4)		TK	Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : sơ cấp. T.1 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vũ đồng chủ biên ; Hứa Tịnh biên soạn ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020. - 131 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N T.1-2020	1,2,3,4	4	C	131000085876
24	Dịch sơ cấp 1 (D4)		TK	Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : sơ cấp. T.2 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vũ đồng chủ biên ; Hứa Tịnh biên soạn ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020. - 139 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N T.2-2020	1,2,3,4	4	C	131000085880
25	Dịch sơ cấp 1 (D4)		TK	Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : sơ cấp. T.3 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vũ đồng chủ biên ; Hứa Tịnh biên soạn ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020. - 131 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N T.3-2020	1,2,3,4	4	C	131000085885
26	Dịch sơ cấp 1 (D4)		TK	Hán ngữ Msutong : sơ cấp. T.4 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vũ đồng chủ biên ; Hứa Tịnh biên soạn ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020. - 123 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N T.4-2020	1,2,3,4	4	C	131000085888
27	Dịch sơ cấp 1 (D4)		TK	Bài tập luyện dịch tiếng Trung ứng dụng (sơ - trung cấp, giao tiếp HSK) : có hỗ trợ phiên âm / Nhật Phạm chủ biên. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. - 335 tr. ; 25 cm.	495.1 B103T 2019	1,2,3,4	4	C	VVa76615

28	Dịch sơ cấp 1 (D4)		TK	Ngữ pháp tiếng Trung căn bản / Trương Âu Đông ; Đặng Thanh Tịnh dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017. - 377 tr. ; 24 cm.	495.182 NG550P 2017	1,2,3,4	4	C	131000077751
29	Dịch sơ cấp 1 (D4)		TK	Tìm về cội nguồn chữ Hán : gồm nhiều từ đã gia nhập vào kho tiếng Việt / Lý Lạc Nghị ; Nguyễn Văn Đồng dịch. - Hà Nội : Thế giới, 1997. - 1247 tr. ; 20 cm.	495.17 T310V 1997	1,2,4	3	C	1VVa00000382
30	Dịch sơ cấp 1 (D4)		PM	Website: http://www.zdic.net/				C	
31	Dịch sơ cấp 2 (D1)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất gồm 6 cuốn dành cho học viên và 2 cuốn dành cho giáo viên). T.2, Q.T / Dương Kỳ Châu ; Trần Thị Thanh Liêm chủ biên dịch ; Hoàng Khải Hưng ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội,	495.1 GI-108T T.2,Q.T-2013	1,2,3,4	7	C	VLa5844
32	Dịch sơ cấp 2 (D1)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất gồm 6 cuốn dành cho học viên và 2 cuốn dành cho giáo viên). T.2, Q.H / Dương Kỳ Châu ; Trần Thị Thanh Liêm ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013. - 168 tr. ; 27 cm.	495.1 GI-108T T.2,Q.H-2013	1,2,3,4	7	C	VLa5842
33	Dịch sơ cấp 2 (D1)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất gồm 6 cuốn dành cho học viên và 2 cuốn dành cho giáo viên). T.3, Q.T / Dương Kỳ Châu ; Trần Thị Thanh Liêm chủ biên dịch ; Hoàng Khải Hưng ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội,	495.1 GI-108T T.3,Q.T-2013	1,2,3,4	7	C	VLa5840

34	Dịch sơ cấp 2 (D1)		TK	Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : sơ cấp. T.1 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vũ đồng chủ biên ; Hứa Tịnh biên soạn ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020. - 131 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N T.1-2020	1,2,3,4	4	C	131000085876
35	Dịch sơ cấp 2 (D1)		TK	Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : sơ cấp. T.2 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vũ đồng chủ biên ; Hứa Tịnh biên soạn ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020. - 139 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N T.2-2020	1,2,3,4	4	C	131000085880
36	Dịch sơ cấp 2 (D1)		TK	Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : sơ cấp. T.3 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vũ đồng chủ biên ; Hứa Tịnh biên soạn ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020. - 131 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N T.3-2020	1,2,3,4	4	C	131000085885
37	Dịch sơ cấp 2 (D1)		TK	Hán ngữ Msutong : sơ cấp. T.4 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vũ đồng chủ biên ; Hứa Tịnh biên soạn ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020. - 123 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N T.4-2020	1,2,3,4	4	C	131000085888
38	Dịch sơ cấp 2 (D1)		TK	Bài tập luyện dịch tiếng Trung ứng dụng (sơ - trung cấp, giao tiếp HSK) : có hỗ trợ phiên âm / Nhật Phạm chủ biên. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. - 335 tr. ; 25 cm.	495.1 B103T 2019	1,2,3,4	4	C	VVa76615

39	Dịch sơ cấp 2 (D1)		TK	Ngữ pháp tiếng Trung căn bản / Trương Âu Đông ; Đặng Thanh Tịnh dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017. - 377 tr. ; 24 cm.	495.182 NG550P 2017	1,2,3,4	4	C	131000077751
40	Dịch sơ cấp 2 (D1)		TK	Tìm về cội nguồn chữ Hán : gồm nhiều từ đã gia nhập vào kho tiếng Việt / Lý Lạc Nghị ; Nguyễn Văn Đồng dịch. - Hà Nội : Thế giới, 1997. - 1247 tr. ; 20 cm.	495.17 T310V 1997	1,2,4	3	C	1VVa00000382
41	Dịch sơ cấp 2 (D1)		PM	Website: http://www.zdic.net/				C	
42	Dịch sơ cấp 2 (D1)		PM	Website: https://vtudien.com/				C	
43	Dịch sơ cấp 2 (D4)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất gồm 6 cuốn dành cho học viên và 2 cuốn dành cho giáo viên). T.3, Q.T / Dương Ký Châu ; Trần Thị Thanh Liêm chủ biên dịch ; Hoàng Khải Hưng ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội,	495.1 GI-108T T.3,Q.T-2013	1,2,3,4	7	C	VLa5840
44	Dịch sơ cấp 2 (D4)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất gồm 6 cuốn dành cho học viên và 2 cuốn dành cho giáo viên). T.2, Q.H / Dương Ký Châu ; Trần Thị Thanh Liêm ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013. - 168 tr. ; 27 cm.	495.1 GI-108T T.2,Q.H-2013	1,2,3,4	7	C	VLa5842
45	Dịch sơ cấp 2 (D4)		TK	Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : sơ cấp. T.1 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vũ đồng chủ biên ; Hứa Tịnh biên soạn ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020. - 131 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N T.1-2020	1,2,3,4	4	C	131000085876

46				Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : sơ cấp. T.2 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vỹ đồng chủ biên ; Hứa Tịnh biên soạn ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020. - 139 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N T.2-2020	1,2,3,4	4	C	131000085880
47				Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : sơ cấp. T.3 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vỹ đồng chủ biên ; Hứa Tịnh biên soạn ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020. - 131 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N T.3-2020	1,2,3,4	4	C	131000085885
48				Hán ngữ Msutong : sơ cấp. T.4 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vỹ đồng chủ biên ; Hứa Tịnh biên soạn ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020. - 123 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N T.4-2020	1,2,3,4	4	C	131000085888
49	Dịch sơ cấp 2 (D4)		TK	Bài tập luyện dịch tiếng Trung ứng dụng (sơ - trung cấp, giao tiếp HSK) : có hỗ trợ phiên âm / Nhật Phạm chủ biên. - Hà Nội : Hồng Đức, 2019. - 335 tr. ; 25 cm.	495.1 B103T 2019	1,2,3,4	4	C	VVa76615
50	Dịch sơ cấp 2 (D4)		TK	Ngữ pháp tiếng Trung căn bản / Trương Âu Đông ; Đặng Thanh Tịnh dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017. - 377 tr. ; 24 cm.	495.182 NG550P 2017	1,2,3,4	4	C	131000077751

51	Dịch sơ cấp 2 (D4)		TK	Tìm về cội nguồn chữ Hán : gồm nhiều từ đã gia nhập vào kho tiếng Việt / Lý Lạc Nghị ; Nguyễn Văn Đồng dịch. - Hà Nội : Thế giới, 1997. - 1247 tr. ; 20 cm.	495.17 T310V 1997	1,2,4	3	C	1VVa00000382
52	Dịch sơ cấp 2 (D4)		PM	Website:http://www.zdic.net/				C	
53	Dịch sơ cấp 2 (D4)		PM	Website: https://vtudien.com/				C	
54	Dịch trung cấp 1 (D1)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất gồm 6 cuốn dành cho học viên và 2 cuốn dành cho giáo viên). T.2, Q.T / Dương Kỳ Châu ; Trần Thị Thanh Liêm chủ biên dịch ; Hoàng Khải Hưng ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội,	495.1 GI-108T T.2,Q.T-2013	1,2,3,4	7	C	VLa5844
55	Dịch trung cấp 1 (D1)		GT	Bridge - Giáo trình tiếng Trung Quốc : trình độ trung cấp. T.1 / Trần Chước chủ biên ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - TP. Hồ Chí Minh : Tổng hợp, 2007. - 337 tr. ; 26 cm.	495.1 B300D T.1-2007	1,2,3,4	7	C	VVa68634
56	Dịch trung cấp 1 (D1)		TK	现代汉语八百词 : 增订本 / 吕叔湘主编. - 北京 商务印书馆, 1999. - 760页 20 cm.	495.1	Khoa Ngữ Văn Trung Quốc	1	C	
57	Dịch trung cấp 1 (D1)		TK	实用现代汉语语法 / 刘月华, 潘文娉, 故韡. - 北京 : 商务印书馆, 2017. - 1005 页 ; 21 cm.	495.1807 S555 2017	2	1	C	TQV3270
58	Dịch trung cấp 1 (D1)		TK	Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : trung cấp. T.1 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vỹ đồng chủ biên ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 105 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N T.1-2021	1,2,3,4	4	C	131000085921

59	Dịch trung cấp 1 (D1)		TK	Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : trung cấp. T.2 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vũ đồng chủ biên ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 121 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N T.2-2021	1,2,3,4	4	C	131000085925
60	Dịch trung cấp 1 (D1)		TK	Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : trung cấp. T.3 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vũ đồng chủ biên ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 120 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N T.3-2021	1,2,3,4	4	C	131000085929
61	Dịch trung cấp 1 (D1)		TK	Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : trung cấp. T.4 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vũ đồng chủ biên ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 111 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N T.4-2021	1,2,3,4	4	C	131000085933
62	Dịch trung cấp 1 (D1)		PM	Website: http://www.zdic.net/				C	
63	Dịch trung cấp 1 (D4)		GT	Bridge - Giáo trình tiếng Trung Quốc : trình độ trung cấp. T.1 / Trần Chước chủ biên ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - TP. Hồ Chí Minh : Tổng hợp, 2007. - 337 tr. ; 26 cm.	495.1 B300D T.1-2007	1,2,3,4	7	C	VVa68634
64	Dịch trung cấp 1 (D4)		TK	现代汉语八百词 : 增订本 / 吕叔湘主编. - 北京 商务印书馆, 1999. - 760页 20 cm.	495.1	Khoa Ngữ Văn Trung Quốc	1	C	

65	Dịch trung cấp 1 (D4)		TK	实用现代汉语语法 / 刘月华, 潘文娉, 故韡. - 北京 : 商务印书馆, 2017. - 1005 页 ; 21 cm.	495.1807 S555 2017	2	1	C	TQV3270
66	Dịch trung cấp 1 (D4)		TK	Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : trung cấp. T.1 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vũ đồng chủ biên ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 105 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N T.1-2021	1,2,3,4	4	C	131000085921
67	Dịch trung cấp 1 (D4)		TK	Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : trung cấp. T.2 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vũ đồng chủ biên ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 121 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N T.2-2021	1,2,3,4	4	C	131000085925
68	Dịch trung cấp 1 (D4)		TK	Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : trung cấp. T.3 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vũ đồng chủ biên ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 120 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N T.3-2021	1,2,3,4	4	C	131000085929
69	Dịch trung cấp 1 (D4)		TK	Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : trung cấp. T.4 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vũ đồng chủ biên ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 111 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N T.4-2021	1,2,3,4	4	C	131000085933
70	Dịch trung cấp 1 (D4)		PM	Website: http://www.zdic.net/				C	

71	Dịch trung cấp 2 (D1)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất gồm 6 cuốn dành cho học viên và 2 cuốn dành cho giáo viên). T.2, Q.T / Dương Kỳ Châu ; Trần Thị Thanh Liêm chủ biên dịch ; Hoàng Khải Hưng ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội,	495.1 GI-108T T.2,Q.T-2013	1,2,3,4	7	C	VLa5844
72	Dịch trung cấp 2 (D1)		GT	Bridge - Giáo trình tiếng Trung Quốc : trình độ trung cấp. T.1 / Trần Chước chủ biên ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - TP. Hồ Chí Minh : Tổng hợp, 2007. - 337 tr. ; 26 cm.	495.1 B300D T.1-2007	1,2,3,4	7	C	VVa68634
73	Dịch trung cấp 2 (D1)		TK	现代汉语八百词 : 增订本 / 吕叔湘主编. - 北京 商务印书馆, 1999. - 760页 20 cm.	495.1	Khoa Ngữ Văn Trung Quốc	1	C	
74	Dịch trung cấp 2 (D1)		TK	Ngữ pháp thực hành tiếng Hán hiện đại. T.2 / Lưu Nguyệt Hoa ; Trần Thị Thanh Liêm dịch. - H. : Văn hóa - Thông tin, 2004. - 503 tr. ; 21 cm.	495.1507 NG550P T.2-2004	1,2,3,4	6	C	1VVa20208
75	Dịch trung cấp 2 (D1)		TK	Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : trung cấp. T.1 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vỹ đồng chủ biên ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 105 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N T.1-2021	1,2,3,4	4	C	131000085921
76	Dịch trung cấp 2 (D1)		TK	Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : trung cấp. T.2 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vỹ đồng chủ biên ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 121 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N T.2-2021	1,2,3,4	4	C	131000085925

77	Dịch trung cấp 2 (D1)		TK	Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : trung cấp. T.3 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vỹ đồng chủ biên ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 120 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N T.3-2021	1,2,3,4	4	C	131000085929
78	Dịch trung cấp 2 (D1)		TK	Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : trung cấp. T.4 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vỹ đồng chủ biên ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 111 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N T.4-2021	1,2,3,4	4	C	131000085933
79	Dịch trung cấp 2 (D1)		PM	Website: http://www.zdic.net/				C	
80	Dịch trung cấp 2 (D1)		PM	Website: https://vtudien.com/				C	
81	Dịch trung cấp 2 (D4)		GT	Bridge - Giáo trình tiếng Trung Quốc : trình độ trung cấp. T.1 / Trần Chước chủ biên ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - TP. Hồ Chí Minh : Tổng hợp, 2007. - 337 tr. ; 26 cm.	495.1 B300D T.1-2007	1,2,3,4	7	C	VVa68634
82	Dịch trung cấp 2 (D4)		TK	现代汉语八百词 : 增订本 / 吕叔湘主编. - 北京 商务印书馆, 1999. - 760页 20 cm.	495.1	Khoa Ngữ Văn Trung Quốc	1	C	
83	Dịch trung cấp 2 (D4)		TK	Ngữ pháp thực hành tiếng Hán hiện đại. T.2 / Lưu Nguyệt Hoa ; Trần Thị Thanh Liêm dịch. - H. : Văn hóa - Thông tin, 2004. - 503 tr. ; 21 cm.	495.1507 NG55	1,2,3,4	6	C	1VVa20208

84	Dịch trung cấp 2 (D4)		TK	Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : trung cấp. T.1 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vỹ đồng chủ biên ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 105 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N T.1-2021	1,2,3,4	4	C	131000085921
85	Dịch trung cấp 2 (D4)		TK	Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : trung cấp. T.2 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vỹ đồng chủ biên ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 121 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N T.2-2021	1,2,3,4	4	C	131000085925
86	Dịch trung cấp 2 (D4)		TK	Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : trung cấp. T.3 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vỹ đồng chủ biên ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 120 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N T.3-2021	1,2,3,4	4	C	131000085929
87	Dịch trung cấp 2 (D4)		TK	Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : trung cấp. T.4 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vỹ đồng chủ biên ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 111 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N T.4-2021	1,2,3,4	4	C	131000085933
88	Dịch trung cấp 3		GT	Bridge - Giáo trình tiếng Trung Quốc : trình độ trung cấp. T.1 / Trần Chúc chủ biên ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - TP. Hồ Chí Minh : Tổng hợp, 2007. - 337 tr. ; 26 cm.	495.1 B300D T.1-2007	1,2,3,4	7	C	VVa68634

89	Dịch trung cấp 3		TK	现代汉语八百词 : 增订本 / 吕叔湘主编. - 北京 商务印书馆, 1999. - 760页 20 cm.	495.1	Khoa Ngữ Văn Trung Quốc	1	C	
90	Dịch trung cấp 3		TK	Ngữ pháp thực hành tiếng Hán hiện đại. T.1 / Lưu Nguyệt Hoa; Trần Thị Thanh Liêm dịch. - Hà Nội : Văn hóa - Thông tin, 2004. - 515 tr. ; 21 cm.	495.1507 NG550P T.1-2004	1,2,3,4	6	C	3VVa20206
91	Dịch trung cấp 3		TK	Ngữ pháp thực hành tiếng Hán hiện đại. T.2 / Lưu Nguyệt Hoa ; Trần Thị Thanh Liêm dịch. - H. : Văn hóa - Thông tin, 2004. - 503 tr. ; 21 cm.	495.1507 NG550P T.2-2004	1,2,3,4	6	C	1VVa20208
92	Dịch trung cấp 3		TK	Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : trung cấp. T.1 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vỹ đồng chủ biên ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 105 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N T.1-2021	1,2,3,4	4	C	131000085921
93	Dịch trung cấp 3		TK	Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : trung cấp. T.2 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vỹ đồng chủ biên ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 121 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N	1,2,3,4	4	C	131000085925
94	Dịch trung cấp 3		TK	Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : trung cấp. T.3 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vỹ đồng chủ biên ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 120 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N	1,2,3,4	4	C	131000085929

95	Dịch trung cấp 3		TK	Hán ngữ Msutong = 速通汉语 = Expressway to Chinese : trung cấp. T.4 / Hứa Kim Sinh, Hồ Văn Hoa, Ngô Trung Vỹ đồng chủ biên ; Nguyễn Hoàng Anh ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 111 tr. ; 27 cm.	495.18 H105N T.4-2021	1,2,3,4	4	C	131000085933
96	Đất nước học Trung Quốc		GT	Giáo trình đất nước học Trung Quốc = 中国概况 / Nguyễn Đình Phúc, Võ Ngọc Tuấn Kiệt biên soạn. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2013. - 351 tr. ; 21 cm.	915.1 GI-108T 2013	1,2,3,4,5,6	20	C	TQV2487
97	Đất nước học Trung Quốc		PM	http://www.gov.cn/guoqing/gaikuang.htm				C	
98	Địa lý nhân văn Trung Quốc		GT	Tập bài giảng môn Địa lý nhân văn Trung Quốc / Nguyễn Đình Phúc soạn.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
99	Địa lý nhân văn Trung Quốc		TK	Giáo trình đất nước học Trung Quốc = 中国概况 / Nguyễn Đình Phúc, Võ Ngọc Tuấn Kiệt biên soạn. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2013. - 351 tr. ; 21 cm.	915.1 GI-108T 2013	1,2,3,4,5,6	20	C	TQV2487
100	Định vị ngành học		GT	Định vị ngành học Ngôn ngữ Trung Quốc (Tập bài giảng) / Nguyễn Đình Phúc biên soạn.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
101	Định vị ngành học		TK	Phương pháp học tiếng Hoa hiện đại / Phan Kỳ Nam. - TP. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 1999. - 192 tr. ; 21 cm.	495.186 PH561P 1999	1,2,3	3	C	3VVa6604

102	Định vị ngành học		TK	500 ký tự tiếng hoa cơ bản = 500 basic Chinese characters : The most practical & cracking elementary course for learning & writing essential chinese characters / Lý Chính tổng hợp và biên dịch ; Trần Minh Khánh hiệu đính. - TP. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2005. -	495.181 N1741T 2005	TV Trung tâm - Kho sách tầng 2	1	C	100017328
103	Độc báo Trung Quốc		GT	时代：中级汉语报刊阅读教程. 下册. / 吴卸耀 编. - 北京：北京大学出版社, 2018. - 192 页；26 cm.	495.107 S555 2018	2	1	C	TQV3294
104	Độc báo Trung Quốc		GT	[2] 吴卸耀 石旭登 编著 (2011), 《时代－高级汉语报刊阅读教程》（上册）. Bắc Kinh: 北京语言大学出版社	时代－高级汉语报刊阅读教程（上册） / 吴卸耀 石旭登 编著 . - Bắc Kinh: 北京语言大学出版社, 2011.	Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
105	Độc báo Trung Quốc		TK	报刊语言教程. 上册 / 白崇乾, 朱建中编；刘谦功译. - 北京：北京语言文化大学出版社, 2016. - 192 页；26 cm.	495.107 B221 2016	2	1	C	TQV3271
106	Độc báo Trung Quốc		TK	报刊语言教程. 下册 / 白崇乾, 朱建中编；刘谦功译. - 北京：北京语言文化大学出版社, 2015. - 203 页；26 cm.	495.107 B221 2015	2	1	C	TQV3267
107	Độc báo Trung Quốc		TK	[2] 刘谦功 (2005), 《汉语新闻阅读教程》. Bắc Kinh: 北京大学出版社		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
108	Độc báo Trung Quốc		TK	[4] 崔梅 周芸 主编 (2011), 《新闻语言教程》. Bắc Kinh: 北京师范大学出版集团		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	

109	Độc báo Trung Quốc		PM	www.people.com.cn				C	
110	Độc hiểu 1		GT	中级汉语阅读教程 I -Vol. 1-2008 / 徐霄鹰、周小兵主编. - 北京 : 大学出版社, 2011。		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
111	Độc hiểu 1		TK	汉语系列阅读. 第一册 / 张丽娜主编. - 修订版. - 北京 : 北京语言大学出版社, 2006.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
112	Độc hiểu 2		GT	中级汉语阅读教程 II (第二版) / 徐霄鹰、周小兵编著. - 北京 : 大学出版社, 2009.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
113	Độc hiểu 2		TK	汉语阅读技能训练教程 / 吴晓露. - 北京语言学院出版社, 1994.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
114	Giáo học pháp		GT	对外汉语课堂教学技巧 / 崔永华, 杨寄洲主编. 北京 : 北京语言文化大学出版社, 2009. - 220 页 ; 21 cm.	495.107 D873 2009	2	1	C	TQV3312
115	Giáo học pháp		TK	汉语课堂教学技巧与游戏. - 北京语言文化大学出版社, 1998年。		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
116	Giáo học pháp		TK	对外汉语本科教育研究 / 李杨. - 北京 : 北京语言文化大学出版社, 1999. - 256 tr. ; 20 cm.	495.107 D873 1999	2	1	C	TQV3260
117	Giáo học pháp		TK	汉语可以这样教 : 语言要素篇 / 张和生 主编. 北京 : 商务印书馆, 2017. - 153 页 : 图 ; 23 cm.	495.107 H223 2017	2	1	C	TQV3314
118	Giáo học pháp		TK	汉语可以这样教 : 语言要素篇 / 张和生 主编. 北京 : 商务印书馆, 2017. - 153 页 : 图 ; 23 cm.	495.107 H223 2017	2	1	C	TQV3314

119	Giao tiếp Sơ cấp		GT	汉语口语教程：一年教材 / 戴悉心, 王静编著. - 北京：北京语言文化大学出版社, 2003. - 168 页；28 cm..		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
120	Giao tiếp Sơ cấp		TK	[1] 马箭飞（2006），《汉语口语速成·基础篇》。北京：北京语言大学出版社		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
121	Hán tự 1	PGS.TS. Nguyễn Đình Phúc	GT	Hán tự giảng nghĩa (《汉字讲义》)(Tập bài giảng) / Nguyễn Đình Phúc soạn		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
122	Hán tự 1	PGS.TS. Nguyễn Đình Phúc	GT	Chữ Hán Trung Quốc / Hàn Giám Đường ; Đặng Thủy Thúy dịch ; Trương Gia Quyền hiệu đính. - TP. Hồ Chí Minh : Tổng hợp ; Trung Quốc : Truyền Bá Ngũ Châu, 2012. - 158 tr. ; 23 cm.	495.1 CH550H 2012	1,2,3	3	C	VVa56063
123	Hán tự 1	PGS.TS. Nguyễn Đình Phúc	TK	Tập viết chữ Hán : biên soạn theo bộ giáo trình Hán ngữ / Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2014. - 246 tr. ; 21 cm.	495.1 T123V 2014	1,2	2	C	VVa76341
124	Hán tự 1	PGS.TS. Nguyễn Đình Phúc	TK	500 ký tự tiếng hoa cơ bản = 500 basic Chinese characters : The most practical & cracking elementary course for learning & writing essential chinese characters / Lý Chính tổng hợp và biên dịch ; Trần Minh Khánh hiệu đính. - TP. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2005. -	495.181 N1741T 2005	TV Trung tâm - Kho sách tầng 2	1	C	100017328
125	HÁN TỰ 2		GT	汉字教程 = Văn tự học chữ Hán = Hanzì jiaocheng / Nguyễn Đình Phúc, Trương Gia Quyền, Lê Quang Trường. - TP. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015. - 99 tr. ; 21 cm.	495.1 H233 2015	1,2,3,4,5,6	20	C	TQV3038

126	HÁN TỰ 2		TK	Chữ Hán Trung Quốc / Hàn Giám Đường ; Đặng Thủy Thúy dịch ; Trương Gia Quyền hiệu đính. - TP. Hồ Chí Minh : Tổng hợp ; Trung Quốc : Truyền Bá Ngũ Châu, 2012. - 158 tr. ; 23 cm.	495.1 CH550H 2012	1,2,3	3	C	VVa56063
127	Khái lược Lịch sử Trung Quốc		GT	Tập bài giảng Giáo trình Lịch sử Trung Quốc (GV cung cấp)		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
128	Khái lược Lịch sử Trung Quốc		TK	Giáo trình đất nước học Trung Quốc = 中国概况 / Nguyễn Đình Phúc, Võ Ngọc Tuấn Kiệt biên soạn. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2013. - 351 tr. ; 21 cm.	915.1 GI-108T 2013	1,2,3,4,5,6	20	C	TQV2487
129	KHẨU NGỮ CAO CẤP 1		TK	别输在不会表达上 / 梦华. - 吉林文史出版社, 2017.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
130	KHẨU NGỮ CAO CẤP 1		TK	一开口就让人喜欢你 / 潘鸿胜. - 北京工业大学出版社, 2018.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
131	Khẩu ngữ cao cấp 2		GT	年当代话题——高级阅读与表达教程. - 北京语言大学出版社, 2011.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
132	Khẩu ngữ cao cấp 2		TK	话说今日中国 / 刘谦功. - 北京 : 北京大学, 1999. - 288 页 ; 26 cm.	303.40951 H874 1999	1,2	2	C	TQV000000155
133	Khẩu ngữ Sơ cấp 1 (D1)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất). T.1, Q.T / Dương Ký Châu ; Trần Thị Thanh Liêm dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014. - 158 tr. ; 21 cm.	495.1 GI-108T T.1,Q.T-2014	1,2,3,4	7	C	VLa5835

134	Khẩu ngữ Sơ cấp 1 (D1)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất gồm 6 cuốn dành cho học viên và 2 cuốn dành cho giáo viên). T.1, Q.H / Dương Ký Châu ; Trần Thị Thanh Liêm... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013. - 231 tr. ; 21 cm.	495.1 GI-108T T.1,Q.H-2013	2,4	3	C	VLa5875
135	Khẩu ngữ Sơ cấp 1 (D1)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất gồm 6 cuốn dành cho học viên và 2 cuốn dành cho giáo viên). T.2, Q.T / Dương Ký Châu ; Trần Thị Thanh Liêm chủ biên dịch ; Hoàng Khải Hưng ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội,	495.1 GI-108T T.2,Q.T-2013	1,2,3,4	7	C	VLa5844
136	Khẩu ngữ Sơ cấp 1 (D1)		TK	《汉语口语教程》（一年级教材）/ 戴悉心、王静. - 北京语言大学出版社, 2001.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
137	Khẩu ngữ Sơ cấp 1 (D1)		TK	汉语口语速成 : 入门篇. 上册 / 马箭飞 主编 ; 苏英霞 翟艳 编. - 北京 : 北京大学出版社, 2019. - 167 页 : 图 ; 26 cm. + 1光盘.	495.1807 H233 2019	2	1	C	TQV3301
138	KHẨU NGỮ SƠ CẤP 1(D4)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất gồm 6 cuốn dành cho học viên và 2 cuốn dành cho giáo viên). T.2, Q.T / Dương Ký Châu ; Trần Thị Thanh Liêm chủ biên dịch ; Hoàng Khải Hưng ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội,	495.1 GI-108T T.2,Q.T-2013	1,2,3,4	7	C	VLa5844

139	KHẨU NGŨ' SƠ CẤP 1(D4)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất gồm 6 cuốn dành cho học viên và 2 cuốn dành cho giáo viên). T.2, Q.H / Dương Ký Châu ; Trần Thị Thanh Liêm ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013. - 168 tr. ; 27 cm.	495.1 GI-108T T.2,Q.H-2013	1,2,3,4	7	C	VLa5842
140	KHẨU NGŨ' SƠ CẤP 1(D4)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất gồm 6 cuốn dành cho học viên và 2 cuốn dành cho giáo viên). T.3, Q.T / Dương Ký Châu ; Trần Thị Thanh Liêm chủ biên dịch ; Hoàng Khải Hưng ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội,	495.1 GI-108T T.3,Q.T-2013	1,2,3,4	7	C	VLa5840
141	KHẨU NGŨ' SƠ CẤP 1(D4)		TK	《汉语口语教程》（一年级教材）/ 戴悉心、王静.- 北京语言大学出版社, 2001.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
142	KHẨU NGŨ' SƠ CẤP 1(D4)		TK	汉语口语速成 : 入门篇. 上册 / 马箭飞 主编 ; 苏英霞 翟艳 编. - 北京 : 北京大学出版社, 2019. - 167 页 : 图 ; 26 cm. + 1光盘.	495.1807 H233 2019	2	1	C	TQV3301
143	Khẩu ngữ Sơ cấp 2 (D1)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất gồm 6 cuốn dành cho học viên và 2 cuốn dành cho giáo viên). T.2, Q.T / Dương Ký Châu ; Trần Thị Thanh Liêm chủ biên dịch ; Hoàng Khải Hưng ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội,	495.1 GI-108T T.2,Q.T-2013	1,2,3,4	7	C	VLa5844

144	Khẩu ngữ Sơ cấp 2 (D1)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất gồm 6 cuốn dành cho học viên và 2 cuốn dành cho giáo viên). T.2, Q.H / Dương Ký Châu ; Trần Thị Thanh Liêm ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013. - 168 tr. ; 27 cm.	495.1 GI-108T T.2,Q.H-2013	1,2,3,4	7	C	VLa5842
145	Khẩu ngữ Sơ cấp 2 (D1)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất gồm 6 cuốn dành cho học viên và 2 cuốn dành cho giáo viên). T.3, Q.T / Dương Ký Châu ; Trần Thị Thanh Liêm chủ biên dịch ; Hoàng Khải Hưng ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội,	495.1 GI-108T T.3,Q.T-2013	1,2,3,4	7	C	VLa5840
146	Khẩu ngữ Sơ cấp 2 (D1)		TK	Luyện nói tiếng Trung quốc cấp tốc (Tái bản lần thứ 2) Trình độ sơ cấp / Mã Tiên Phi. - TP. HCM : Tổng hợp, 2016.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
147	Khẩu ngữ Sơ cấp 2 (D1)		TK	Đàm thoại tiếng Trung Quốc cấp tốc. T.1 / Triệu Kim Minh chủ biên ; Tô Anh Hà, Hồ Hiếu Bân biên soạn ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - TP. Hồ Chí Minh : Tổng hợp : Công ty TNHH Nhân trí Việt, 2014. - 242 tr. ; 26 cm. + 1 đĩa MP3.	495.1 Đ104T T.1-2014	1,2,3,4	8	C	VVa68620
148	Khẩu ngữ Sơ cấp 2 (D1)		TK	Đàm thoại tiếng Trung Quốc cấp tốc. T.2 / Triệu Kim Minh chủ biên ; Tô Anh Hà, Hồ Hiếu Bân biên soạn ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - TP. Hồ Chí Minh : Tổng hợp : Công ty TNHH Nhân trí Việt, 2015. - 203 tr. ; 26 cm. + 1 đĩa MP3.	495.1 Đ104T T.2-2015	1,2,3,4	8	C	VVa68650

149	Khẩu ngữ Sơ cấp 2 (D1)		TK	301 câu đàm thoại tiếng Trung Quốc : giáo trình tiếng Trung Quốc dành cho người nước ngoài phổ biến nhất thế giới. T.1 / Khang Ngọc Hoa, Lai Tư Bình biên soạn ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Bản in lần thứ 3. - TP. Hồ Chí Minh : Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh :	495.1 B100T T.1-2014	1,2,3,4	5	C	VVa68670
150	Khẩu ngữ Sơ cấp 2 (D1)		TK	301 câu đàm thoại tiếng Trung Quốc : giáo trình tiếng Trung Quốc dành cho người nước ngoài phổ biến nhất thế giới. T.2 / Khang Ngọc Hoa, Lai Tư Bình biên soạn ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Bản in lần thứ 3. - TP. Hồ Chí Minh : Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh :	495.1 B100T T.2-2015	1,2,3,4	5	C	VVa68665
151	KHẨU NGỮ SƠ CẤP 2 (D4)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất gồm 6 cuốn dành cho học viên và 2 cuốn dành cho giáo viên). T.3, Q.T / Dương Ký Châu ; Trần Thị Thanh Liêm chủ biên dịch ; Hoàng Khải Hưng ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội,	495.1 GI-108T T.3,Q.T-2013	1,2,3,4	7	C	VLa5840
152	KHẨU NGỮ SƠ CẤP 2 (D4)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất gồm 6 cuốn dành cho học viên và 2 cuốn dành cho giáo viên). T.3, Q.H / Dương Ký Châu ; Trần Thị Thanh Liêm ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013. - 220 tr. : 21 cm.	495.1 GI-108T T.3,Q.H-2013	1,2,3,4	7	C	VLa5838
153	KHẨU NGỮ SƠ CẤP 2 (D4)		TK	Luyện nói tiếng Trung quốc cấp tốc (Tái bản lần thứ 2) Trình độ sơ cấp / Mã Tiến Phi. - TP. HCM : Tổng hợp, 2016.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	

154	KHÂU NGŨ SƠ CẤP 2 (D4)		TK	Đàm thoại tiếng Trung Quốc cấp tốc. T.1 / Triệu Kim Minh chủ biên ; Tô Anh Hà, Hồ Hiếu Bân biên soạn ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - TP. Hồ Chí Minh : Tổng hợp : Công ty TNHH Nhân trí Việt, 2014. - 242 tr. ; 26 cm. + 1 đĩa MP3.	495.1 Đ104T T.1-2014	1,2,3,4	8	C	VVa68620
155	KHÂU NGŨ SƠ CẤP 2 (D4)		TK	Đàm thoại tiếng Trung Quốc cấp tốc. T.2 / Triệu Kim Minh chủ biên ; Tô Anh Hà, Hồ Hiếu Bân biên soạn ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - TP. Hồ Chí Minh : Tổng hợp : Công ty TNHH Nhân trí Việt, 2015. - 203 tr. ; 26 cm. + 1 đĩa MP3.	495.1 Đ104T T.2-2015	1,2,3,4	8	C	VVa68650
156	KHÂU NGŨ SƠ CẤP 2 (D4)		TK	301 câu đàm thoại tiếng Trung Quốc : giáo trình tiếng Trung Quốc dành cho người nước ngoài phổ biến nhất thế giới. T.1 / Khang Ngọc Hoa, Lai Tư Bình biên soạn ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Bản in lần thứ 3. - TP. Hồ Chí Minh : Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh :	495.1 B100T T.1-2014	1,2,3,4	5	C	VVa68670
157	KHÂU NGŨ SƠ CẤP 2 (D4)		TK	301 câu đàm thoại tiếng Trung Quốc : giáo trình tiếng Trung Quốc dành cho người nước ngoài phổ biến nhất thế giới. T.2 / Khang Ngọc Hoa, Lai Tư Bình biên soạn ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Bản in lần thứ 3. - TP. Hồ Chí Minh : Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh :	495.1 B100T T.2-2015	1,2,3,4	5	C	VVa68665
158	Đọc hiểu 2		GT	中级汉语阅读教程 II (第二版) / 徐霄鹰、周小兵编著. - 北京大学出版社, 2009.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	

159	Độc hiểu 2		TK	汉语阅读技能训练教程 / 吴晓露. - 北京语言学院出版社, 1994.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
160	Khẩu ngữ trung cấp 1 (D1)		GT	汉语口语速成: 提高篇. 第二版 / 马箭飞 主编 ; 李小荣 编. - 北京 : 北京大学出版社, 2019. - 185 页 : 图 ; 26 cm.	495.1807 H233 2019	2	1	C	TQV3292
161	Khẩu ngữ trung cấp 1 (D1)		TK	301 câu đàm thoại tiếng Trung Quốc : giáo trình tiếng Trung Quốc dành cho người nước ngoài phổ biến nhất thế giới. T.1 / Khang Ngọc Hoa, Lai Tư Bình biên soạn ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Bản in lần thứ 3. - TP. Hồ Chí Minh : Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh :	495.1 B100T T.1-2014	1,2,3,4	5	C	VVa68670
162	Khẩu ngữ trung cấp 1 (D1)		TK	301 câu đàm thoại tiếng Trung Quốc : giáo trình tiếng Trung Quốc dành cho người nước ngoài phổ biến nhất thế giới. T.2 / Khang Ngọc Hoa, Lai Tư Bình biên soạn ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Bản in lần thứ 3. - TP. Hồ Chí Minh : Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh :	495.1 B100T T.2-2015	1,2,3,4	5	C	VVa68665
163	Khẩu ngữ trung cấp 1 (D1)		TK	汉语听说教程 : 二年级教材. 上册 / 赵菁主编. - 北京 : 北京语言文化大学出版社, 2002. - 192 页 ; 28 cm..		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
164	Khẩu ngữ trung cấp 1 (D1)		TK	汉语听说教程 : 二年级教材. 下册 / 赵菁主编. - 北京 : 北京语言文化大学出版社, 2003. - 175 页 ; 28 cm..		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
165	KHẨU NGỮ TRUNG CẤP 1 (D4)		GT	汉语口语速成: 提高篇. 第二版 / 马箭飞 主编 ; 李小荣 编. - 北京 : 北京大学出版社, 2019. - 185 页 : 图 ; 26 cm.	495.1807 H233 2019	2	1	C	TQV3292

166	KHẨU NGỮ TRUNG CẤP 1 (D4)		TK	301 câu đàm thoại tiếng Trung Quốc : giáo trình tiếng Trung Quốc dành cho người nước ngoài phổ biến nhất thế giới. T.1 / Khang Ngọc Hoa, Lai Tư Bình biên soạn ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Bản in lần thứ 3. - TP. Hồ Chí Minh : Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh :	495.1 B100T T.1-2014	1,2,3,4	5	C	VVa68670
167	KHẨU NGỮ TRUNG CẤP 1 (D4)		TK	301 câu đàm thoại tiếng Trung Quốc : giáo trình tiếng Trung Quốc dành cho người nước ngoài phổ biến nhất thế giới. T.2 / Khang Ngọc Hoa, Lai Tư Bình biên soạn ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Bản in lần thứ 3. - TP. Hồ Chí Minh : Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh :	495.1 B100T T.2-2015	1,2,3,4	5	C	VVa68665
168	KHẨU NGỮ TRUNG CẤP 1 (D4)		TK	汉语听说教程 : 二年级教材. 上册 / 赵菁主编. - 北京 : 北京语言文化大学出版社, 2002. - 192 页 ; 28 cm..		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
169	KHẨU NGỮ TRUNG CẤP 1 (D4)		TK	汉语听说教程 : 二年级教材. 下册 / 赵菁主编. - 北京 : 北京语言文化大学出版社, 2003. - 175 页 ; 28 cm..		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
170	Khẩu ngữ trung cấp 2		GT	汉语口语速成 : 提高篇. 第二版 / 马箭飞 主编 ; 李小荣 编. - 北京 : 北京大学出版社, 2019. - 185 页 : 图 ; 26 cm.	495.1807 H233 2019	2	1	C	TQV3292
171	Khẩu ngữ trung cấp 2		TK	301 câu đàm thoại tiếng Trung Quốc : giáo trình tiếng Trung Quốc dành cho người nước ngoài phổ biến nhất thế giới. T.1 / Khang Ngọc Hoa, Lai Tư Bình biên soạn ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Bản in lần thứ 3. - TP. Hồ Chí Minh : Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh :	495.1 B100T T.1-2014	1,2,3,4	5	C	VVa68670

172	Khẩu ngữ trung cấp 2		TK	301 câu đàm thoại tiếng Trung Quốc : giáo trình tiếng Trung Quốc dành cho người nước ngoài phổ biến nhất thế giới. T.2 / Khang Ngọc Hoa, Lai Tư Bình biên soạn ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Bản in lần thứ 3. - TP. Hồ Chí Minh : Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh :	495.1 B100T T.2-2015	1,2,3,4	5	C	VVa68665
173	Khẩu ngữ trung cấp 2		TK	汉语听说教程：二年级教材. 上册 / 赵菁主编. - 北京：北京语言文化大学出版社, 2002. - 192 页；28 cm..		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
174	Khẩu ngữ trung cấp 2		TK	汉语听说教程：二年级教材. 下册 / 赵菁主编. - 北京：北京语言文化大学出版社, 2003. - 175 页；28 cm..		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
175	KHẨU NGỮ TRUNG CẤP 2 (D4)		GT	汉语口语速成：提高篇. 第二版 / 马箭飞 主编；李小荣 编. - 北京：北京大学出版社, 2019. - 185 页：图；26 cm.	495.1807 H233 2019	2	1	C	TQV3292
176	KHẨU NGỮ TRUNG CẤP 2 (D4)		TK	301 câu đàm thoại tiếng Trung Quốc : giáo trình tiếng Trung Quốc dành cho người nước ngoài phổ biến nhất thế giới. T.1 / Khang Ngọc Hoa, Lai Tư Bình biên soạn ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Bản in lần thứ 3. - TP. Hồ Chí Minh : Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh :	495.1 B100T T.1-2014	1,2,3,4	5	C	VVa68670
177	KHẨU NGỮ TRUNG CẤP 2 (D4)		TK	301 câu đàm thoại tiếng Trung Quốc : giáo trình tiếng Trung Quốc dành cho người nước ngoài phổ biến nhất thế giới. T.2 / Khang Ngọc Hoa, Lai Tư Bình biên soạn ; Nguyễn Thị Minh Hồng dịch. - Bản in lần thứ 3. - TP. Hồ Chí Minh : Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh :	495.1 B100T T.2-2015	1,2,3,4	5	C	VVa68665

178	KHẨU NGŨ TRUNG CẤP 2 (D4)		TK	汉语听说教程：二年级教材. 上册 / 赵菁主编. - 北京： 北京语言文化大学出版社, 2002. - 192 页；28 cm..		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
179	KHẨU NGŨ TRUNG CẤP 2 (D4)		TK	汉语听说教程：二年级教材. 下册 / 赵菁主编. - 北京： 北京语言文化大学出版社, 2003. - 175 页；28 cm..		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
180	Kỹ năng biên dịch		GT	Trung-Việt biên dịch kỹ năng = 中越笔译技能：Tập bài giảng / NGUYỄN ĐÌNH PHÚC soạn.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
181	Kỹ năng biên dịch		TK	实用汉越互译技巧 / 梁远、温日豪. - 北京： 世界图书出版广东有限公司, 2017. - 327 p.; 21 cm.	495.18 S555	Koha Khoa Đông Phương học		C	
182	Kỹ năng biên dịch		TK	汉越翻译教程 / 赵玉兰. - 北京大学出版社, 2002.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
183	Kỹ năng phiên dịch		GT	Kỹ năng dịch nói cao cấp (Tài liệu học tập do giảng viên biên soạn – nội dung học được cập nhật hàng năm		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
184	Kỹ năng phiên dịch		TK	越汉翻译教程 = Giáo trình phiên dịch Việt - Hán / 谭志词, 祁广谋 编著. - 广州 世界图书出版广东有限公司, 2017. - 07页 26 cm.	495.1071	Koha Khoa Ngữ Văn Trung Quốc	1	C	
185	Kỹ năng phiên dịch		TK	越汉翻译教程 = Giáo trình dịch Việt - Hán / 赵玉兰 编 北京： 北京大学出版社, 2011. - 249 页； 21 cm.	495.1824 Y947 2011	2	1	C	TQV3279
186	Kỹ năng phiên dịch		TK	基础口译 / 仲伟合, 王斌华 主编； 何其莘, 仲伟合, 许钧 总主编. - 北京：外语教学与研究出版社, 2018. - 269 页：图；24 cm. + 1光盘.	495.1824 H233 2018	2	1	C	TQV3316

187	Kỹ năng phiên dịch		TK	口译训练指南 = Pedagogie raisonnee de l'interpretation / 塞莱斯科维奇, 勒代雷; 闫素伟, 邵炜 译. - 北京: 中国对外翻译出版有限公司, 2017. - 340 页; 24 cm.	495.1807 K881 2017	2	1	C	TQV3266
188	Kỹ năng phiên dịch		TK	口笔译理论研究 / 李西潭. - 北京: 中国对外翻译出版公司, 2006. - x, 327 页: 图; 21 cm.	495.1307 K881	2	1	C	TQV3261
189	Kỹ năng viết 1		GT	Chinh phục kỹ năng viết văn tiếng Hoa toàn tập: cẩm nang viết văn dành cho học viên tự nâng cao trình độ / Nguyễn Đình Phúc chủ biên ... [và những người khác]. - TP. Hồ Chí Minh: Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2022. - 307 tr.; 24 cm.	495.182 C5399	TV Trung tâm - Kho sách tầng 2, Kho sách KTX	2	C	100100093300
190	Kỹ năng viết 1		TK	汉语写作教程 / 赵建华, 祝秉耀. - 北京语言大学出版社, 2003.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
191	Kỹ năng viết 1		TK	汉语高级写作教程 (上、下) / 李增吉. - 北京大学出版社, 2006.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
192	Kỹ năng viết 1		TK	Kỹ năng viết văn tiếng Hoa / Nguyễn Đình Phúc, Trương Gia Quyền, Tô Phương Cường, Trương Phan Châu Tâm. - TP. Hồ Chí Minh: Văn hoá-văn nghệ, 2015. - 213 tr.; 24 cm.	495.1 K600N 2015	1,2,3,4	5	C	VVa67674
193	Kỹ năng viết 1		PM	http://202.116.0.161/iHWxy/dmlxz/xiezuoweb/neirong.htm				C	
194	Kỹ năng viết 1		PM	http://www.blcup.com/index.asp				C	

195	Kỹ năng viết 2		GT	Chinh phục kỹ năng viết văn tiếng Hoa toàn tập : cẩm nang viết văn dành cho học viên tự nâng cao trình độ / Nguyễn Đình Phúc chủ biên ... [và những người khác]. - TP. Hồ Chí Minh : Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2022. - 307 tr. ; 24 cm.	495.182 C5399P 2022	TV Trung tâm - Kho sách tầng 2, Kho sách KTX	2	C	100100093300
196	Kỹ năng viết 2		TK	如何捷进写作词汇——人物篇 / 谢旻琪. - 商周出版社, 2014.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
197	Nghe nhìn		GT	秦淮人家 中高级汉语视听说教程 / 李菊先, 王树锋 ; 徐燕霞 英译 上. - 北京 : 北京语言大学, 2003. - 218 页 26 cm.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
198	Nghe nhìn		TK	中高级汉语视听教程 / 邹胜瑛、宋业瑾、常庆非. - 北京大学出版社, 2006.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
199	Nghe nhìn		TK	走进中国百姓生活 : 中高级汉语视听说教程 / 刘月华, 刘宪民, 李金玉 编. - 北京 : 世界图书出版公司北京公司, 2006. - 480 页 : 图 ; 26 cm. + 5光盘.	495.1307 Z79 2006	2	1	C	TQL233
200	Nghe Sơ cấp 1 (D1)		GT	汉语听力教程 : 一年级教材. 第一册 / 胡波, 杨雪梅编著 ; 张宝钧翻译. - 北京 : 北京语言大学出版社, 2004. - 297 页 ; 28 cm..		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
201	Nghe Sơ cấp 1 (D1)		TK	汉语听力教程修 订本 / 胡波、杨雪梅编著. - 北京 : 北京语言大学 出版社, 2009.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	

202	Nghe sơ cấp 1 (D4)		GT	汉语听力教程：一年级教材. 第一册 / 胡波, 杨雪梅编著 ; 张宝钧翻译. - 北京 : 北京语言大学出版社, 2004. - 297 页 ; 28 cm..		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
203	Nghe sơ cấp 1 (D4)		TK	汉语听力教程 / 胡波、杨雪梅编著. - 修订本. 北京 : 北京语言大学出版社, 2012.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
204	Nghe Sơ cấp 2 (D1)		GT	汉语听力教程第二册 / 胡波、杨雪梅编著. - 北京 : 北京语言大学 出版社, 2005		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
205	Nghe Sơ cấp 2 (D1)		GT	汉语听力教程第三册 / 杨奇洲主编. - 北京 : 北京语言大学出版社, 2003.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
206	Nghe sơ cấp 2 (D4)		GT	汉语听力教程第二册 / 胡波、杨雪梅编著. - 北京 : 北京语言大学 出版社, 2005		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
207	Nghe sơ cấp 2 (D4)		GT	汉语听力教程第三册 / 杨奇洲主编. - 北京 : 北京语言大学出版社, 2003.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
208	Nghe trung cấp 1 (D1)		GT	Luyện nghe tiếng Trung Quốc cấp tốc : trình độ tiền trung cấp / Mao Duyệt chủ biên, Tinh Mộng Nhiên, Lưu Trường Chinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2016. - 243 tr. ; 26 cm. + 1 CD-ROM (4 3/4 in.)	495.183 M2965D 2016	TV Trung tâm - Kho sách tầng 2, Kho sách KTX	3	C	100077223

209	Nghe trung cấp 1 (D1)		TK	Cẩm nang luyện thi HSK bản mới cấp độ 3&4 = 新HSK考试指南 : 三、四级 / Nguyễn Thị Quỳnh Vân chủ biên ; Tô Phương Cường... [và những người khác]. - TP. Hồ Chí Minh : Văn hóa - Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh, 2015. - 347 tr. ; 24 cm.	495.1 C120N 2015	1,2,3,4	5	C	VVa67634
210	Nghe trung cấp 1 (D1)		TK	Cẩm nang luyện thi HSK bản mới cấp độ 5&6 = 新HSK考试指南 : 五六级 / Nguyễn Thị Quỳnh Vân chủ biên ; Tô Phương Cường... [và những người khác]. - TP. Hồ Chí Minh : Văn hóa - Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh, 2015. - 365 tr. ; 24 cm.	495.1 C120N 2015	1,2,3,4	5	C	VVa67679
211	Nghe trung cấp 1 (D1)		TK	Bí kíp luyện thi HSK 3&4 / Huỳnh Thị Chiêu Uyên. - NXB Văn hóa văn nghệ TPHCM, 2020		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
212	Nghe trung cấp 1 (D1)		TK	汉语听说教程 : 二年级教材. 上册 / 赵菁主编. - 北京 : 北京语言文化大学出版社, 2002. - 192 页 ; 28 cm..		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
213	Nghe trung cấp 1 (D1)		TK	汉语听说教程 : 二年级教材. 下册 / 赵菁主编. - 北京 : 北京语言文化大学出版社, 2003. - 175 页 ; 28 cm..		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
214	NGHE TRUNG CẤP 1 (D4)		GT	Luyện nghe tiếng Trung Quốc cấp tốc : trình độ tiền trung cấp / Mao Duyệt chủ biên, Tinh Mộng Nhiên, Lưu Trường Chinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2016. - 243 tr. ; 26 cm. + 1 CD-ROM (4 3/4 in.)	495.183 M2965D 2016	TV Trung tâm - Kho sách tầng 2, Kho sách KTX	3	C	100077223

215	NGHE TRUNG CẤP 1 (D4)		TK	Cẩm nang luyện thi HSK bản mới cấp độ 3&4 = 新HSK考试指南 : 三、四级 / Nguyễn Thị Quỳnh Vân chủ biên ; Tô Phương Cường... [và những người khác]. - TP. Hồ Chí Minh : Văn hóa - Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh, 2015. - 347 tr. ; 24 cm.	495.1 C120N 2015	1,2,3,4	5	C	VVa67634
216	NGHE TRUNG CẤP 1 (D4)		TK	Cẩm nang luyện thi HSK bản mới cấp độ 5&6 = 新HSK考试指南 : 五六级 / Nguyễn Thị Quỳnh Vân chủ biên ; Tô Phương Cường... [và những người khác]. - TP. Hồ Chí Minh : Văn hóa - Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh, 2015. - 365 tr. ; 24 cm.	495.1 C120N 2015	1,2,3,4	5	C	VVa67679
217	NGHE TRUNG CẤP 1 (D4)		TK	Bí kíp luyện thi HSK 3&4 / Huỳnh Thị Chiêu Uyên. - NXB Văn hóa văn nghệ TPHCM, 2020		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
218	NGHE TRUNG CẤP 1 (D4)		TK	汉语听说教程 : 二年级教材. 上册 / 赵菁主编. - 北京 : 北京语言文化大学出版社, 2002. - 192 页 ; 28 cm..		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
219	NGHE TRUNG CẤP 1 (D4)		TK	汉语听说教程 : 二年级教材. 下册 / 赵菁主编. - 北京 : 北京语言文化大学出版社, 2003. - 175 页 ; 28 cm..		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
220	NGHE TRUNG CẤP 2 (D1)		GT	Luyện nghe tiếng Trung Quốc cấp tốc : trình độ tiền trung cấp / Mao Duyệt chủ biên, Tinh Mộng Nhiên, Lưu Trường Chinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2016. - 243 tr. ; 26 cm. + 1 CD-ROM (4 3/4 in.)	495.183 M2965D 2016	TV Trung tâm - Kho sách tầng 2, Kho sách KTX	3	C	100077223

221	NGHE TRUNG CẤP 2 (D1)		TK	Cẩm nang luyện thi HSK bản mới cấp độ 3&4 = 新HSK考试指南 : 三、四级 / Nguyễn Thị Quỳnh Vân chủ biên ; Tô Phương Cường... [và những người khác]. - TP. Hồ Chí Minh : Văn hóa - Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh, 2015. - 347 tr. ; 24 cm.	495.1 C120N 2015	1,2,3,4	5	C	VVa67634
222	NGHE TRUNG CẤP 2 (D1)		TK	Cẩm nang luyện thi HSK bản mới cấp độ 5&6 = 新HSK考试指南 : 五六级 / Nguyễn Thị Quỳnh Vân chủ biên ; Tô Phương Cường... [và những người khác]. - TP. Hồ Chí Minh : Văn hóa - Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh, 2015. - 365 tr. ; 24 cm.	495.1 C120N 2015	1,2,3,4	5	C	VVa67679
223	NGHE TRUNG CẤP 2 (D1)		TK	Bí kíp luyện thi HSK 3&4 / Huỳnh Thị Chiêu Uyên. - NXB Văn hóa văn nghệ TPHCM, 2020		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
224	NGHE TRUNG CẤP 2 (D1)		TK	汉语听说教程 : 二年级教材. 上册 / 赵菁主编. - 北京 : 北京语言文化大学出版社, 2002. - 192 页 ; 28 cm..		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
225	NGHE TRUNG CẤP 2 (D1)		TK	汉语听说教程 : 二年级教材. 下册 / 赵菁主编. - 北京 : 北京语言文化大学出版社, 2003. - 175 页 ; 28 cm..		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
226	NGHE TRUNG CẤP 2 (D4)		GT	Luyện nghe tiếng Trung Quốc cấp tốc : trình độ tiền trung cấp / Mao Duyệt chủ biên, Tinh Mộng Nhiên, Lưu Trường Chinh. - Tp. Hồ Chí Minh : Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2016. - 243 tr. ; 26 cm. + 1 CD-ROM (4 3/4 in.)	495.183 M2965D 2016	TV Trung tâm - Kho sách tầng 2, Kho sách KTX	3	C	100077223

227	NGHE TRUNG CẤP 2 (D4)		TK	Cẩm nang luyện thi HSK bản mới cấp độ 3&4 = 新HSK考试指南 : 三、四级 / Nguyễn Thị Quỳnh Vân chủ biên ; Tô Phương Cường... [và những người khác]. - TP. Hồ Chí Minh : Văn hóa - Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh, 2015. - 347 tr. ; 24 cm.	495.1 C120N 2015	1,2,3,4	5	C	VVa67634
228	NGHE TRUNG CẤP 2 (D4)		TK	Cẩm nang luyện thi HSK bản mới cấp độ 5&6 = 新HSK考试指南 : 五六级 / Nguyễn Thị Quỳnh Vân chủ biên ; Tô Phương Cường... [và những người khác]. - TP. Hồ Chí Minh : Văn hóa - Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh, 2015. - 365 tr. ; 24 cm.	495.1 C120N 2015	1,2,3,4	5	C	VVa67679
229	NGHE TRUNG CẤP 2 (D4)		TK	Bí kíp luyện thi HSK 3&4 / Huỳnh Thị Chiêu Uyên. - NXB Văn hóa văn nghệ TPHCM, 2020		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
230	NGHE TRUNG CẤP 2 (D4)		TK	汉语听说教程 : 二年级教材. 上册 / 赵菁主编. - 北京 : 北京语言文化大学出版社, 2002. - 192 页 ; 28 cm..		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
231	NGHE TRUNG CẤP 2 (D4)		TK	汉语听说教程 : 二年级教材. 下册 / 赵菁主编. - 北京 : 北京语言文化大学出版社, 2003. - 175 页 ; 28 cm..		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
232	Ngữ âm		TK	对外汉语语音教程 / 毛世桢. - 华东师范大学出版社, 2008.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
233	Ngữ âm		TK	普通话语音与口语表达训练教程 / 代晓冬. - 西南交通大学出版社, 2012.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
234	Ngữ âm		PM	http://oec.xmu.edu.cn/gb/teacher/yuyi n/02/02_01.htm				C	

235	Ngữ pháp Cao cấp		GT	博雅汉语：高级飞翔篇.I / 李晓琪 主编；金舒年 陈莉 编. - 北京：北京语言大学出版社, 2018. - 227 页：图；29 cm. + 1光盘.	495.180711 B662 2018	2	1	C	TQL236
236	Ngữ pháp Cao cấp		TK	现代汉语八百词：增订本 / 吕叔湘 主编. - 北京 商务印书馆, 1999. - 760页 20 cm.	495.1	Khoa Ngữ Văn Trung Quốc	1	C	
237	Ngữ pháp Cao cấp		TK	现代汉语语法教程 / 孙德金. - 北京语言大学出版社, 2010。		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
238	Ngữ pháp Cao cấp		TK	Ngữ pháp tiếng Hán hiện đại : Học ngữ pháp qua các bài học trắc nghiệm / Trần Phương Thảo, Trương Văn Giới. - Tp. Hồ chí Minh : Đại học quốc gia Tp. Hồ chí Minh, 2002. - 251 tr. ; 20 cm.	495.1507 NG550P 2002	1,2,3	3	C	1VVa11183
239	Ngữ pháp Cao cấp		TK	现代汉语. 上 / 黄伯荣. - 高等学校文科教材, 2004.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
240	Ngữ pháp Cao cấp		TK	现代汉语. 下 / 黄伯荣. - 北京：高等学校文科教材, 2004.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
241	Ngữ pháp Sơ cấp 1 (D1)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất). T.1, Q.T / Dương Ký Châu ; Trần Thị Thanh Liêm dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014. - 158 tr. ; 21 cm.	495.1 GI-108T T.1,Q.T-2014	1,2,3,4	7	C	VLa5835
242	Ngữ pháp Sơ cấp 1 (D1)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất gồm 6 cuốn dành cho học viên và 2 cuốn dành cho giáo viên). T.1, Q.H / Dương Ký Châu ; Trần Thị Thanh Liêm... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013. - 231 tr. ; 21 cm.	495.1 GI-108T T.1,Q.H-2013	2,4	3	C	VLa5875

243	Ngữ pháp Sơ cấp 1 (D1)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất gồm 6 cuốn dành cho học viên và 2 cuốn dành cho giáo viên). T.2, Q.T / Dương Kỳ Châu ; Trần Thị Thanh Liêm chủ biên dịch ; Hoàng Khải Hưng ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội,	495.1 GI-108T T.2,Q.T-2013	1,2,3,4	7	C	VLa5844
244	Ngữ pháp Sơ cấp 1 (D1)		TK	Học ngữ pháp tiếng Hoa thật đơn giản = 图说汉语语法 / Trương Gia Quyền, Trương Lệ Mai. - TP. Hồ Chí Minh : Văn hóa - Văn nghệ, 2015. - 291 tr. ; 24 cm.	495.1 H419N 2015	1,2,3,4	10	C	VVa67654
245	Ngữ pháp Sơ cấp 1 (D1)		TK	Giáo trình Hán Ngữ Boya Sơ cấp. Tập 1 / Lý Hiểu Kỳ chủ biên ; Nhậm Tuyết Mai, Dư Xương Nghi, Nguyễn Thu Hà biên dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015. - 176 tr. 27 cm. 1CD-ROM.	495.180711 GI-108T	Khoa Ngữ Văn Trung Quốc	1	C	
246	Ngữ pháp Sơ cấp 1 (D1)		TK	Giáo trình Hán ngữ Boya (Tái bản lần thứ 2) tập 2 quyển Sơ cấp / Lý Hiểu Kỳ. - Hà Nội: Đại học quốc gia Hà Nội, 2018.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
247	Ngữ pháp Sơ cấp 1 (D4)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất gồm 6 cuốn dành cho học viên và 2 cuốn dành cho giáo viên). T.2, Q.T / Dương Kỳ Châu ; Trần Thị Thanh Liêm chủ biên dịch ; Hoàng Khải Hưng ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội,	495.1 GI-108T T.2,Q.T-2013	1,2,3,4	7	C	VLa5844

248	Ngữ pháp Sơ cấp 1 (D4)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất gồm 6 cuốn dành cho học viên và 2 cuốn dành cho giáo viên). T.2, Q.H / Dương Ký Châu ; Trần Thị Thanh Liêm ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013. - 168 tr. ; 27 cm.	495.1 GI-108T T.2,Q.H-2013	1,2,3,4	7	C	VLa5842
249	Ngữ pháp Sơ cấp 1 (D4)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất gồm 6 cuốn dành cho học viên và 2 cuốn dành cho giáo viên). T.3, Q.T / Dương Ký Châu ; Trần Thị Thanh Liêm chủ biên dịch ; Hoàng Khải Hưng ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội,	495.1 GI-108T T.3,Q.T-2013	1,2,3,4	7	C	VLa5840
250	Ngữ pháp Sơ cấp 1 (D4)		TK	Học ngữ pháp tiếng Hoa thật đơn giản = 图说汉语语法 / Trương Gia Quyền, Trương Lệ Mai. - TP. Hồ Chí Minh : Văn hóa - Văn nghệ, 2015. - 291 tr. ; 24 cm.	495.1 H419N 2015	1,2,3,4	10	C	VVa67654
251	Ngữ pháp Sơ cấp 1 (D4)		TK	Giáo trình Hán Ngữ Boya Sơ cấp. Tập 1 / Lý Hiểu Kỳ chủ biên ; Nhậm Tuyết Mai, Dư Xương Nghi, Nguyễn Thu Hà biên dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015. - 176 tr. 27 cm. 1CD-ROM.	495.180711 GI-108T	Khoa Ngữ Văn Trung Quốc	1	C	
252	Ngữ pháp Sơ cấp 1 (D4)		TK	Giáo trình Hán ngữ Boya (Tái bản lần thứ 2) tập 2 quyển Sơ cấp / Lý Hiểu Kỳ. - Hà Nội: Đại học quốc gia Hà Nội, 2018.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	

253	NGŨ PHÁP SỐ CẤP 2 (D1)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất gồm 6 cuốn dành cho học viên và 2 cuốn dành cho giáo viên). T.2, Q.T / Dương Ký Châu ; Trần Thị Thanh Liêm chủ biên dịch ; Hoàng Khải Hưng ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội,	495.1 GI- 108T T.2,Q.T- 2013	1,2,3,4	7	C	VLa5844
254	NGŨ PHÁP SỐ CẤP 2 (D1)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất gồm 6 cuốn dành cho học viên và 2 cuốn dành cho giáo viên). T.2, Q.H / Dương Ký Châu ; Trần Thị Thanh Liêm ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013. - 168 tr. ; 27 cm.	495.1 GI- 108T T.2,Q.H- 2013	1,2,3,4	7	C	VLa5842
255	NGŨ PHÁP SỐ CẤP 2 (D1)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất gồm 6 cuốn dành cho học viên và 2 cuốn dành cho giáo viên). T.3, Q.T / Dương Ký Châu ; Trần Thị Thanh Liêm chủ biên dịch ; Hoàng Khải Hưng ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội,	495.1 GI- 108T T.3,Q.T- 2013	1,2,3,4	7	C	VLa5840
256	NGŨ PHÁP SỐ CẤP 2 (D1)		TK	Ngữ pháp tiếng Hán hiện đại : Học ngữ pháp qua các bài học trắc nghiệm / Trần Phương Thảo, Trương Văn Giới. - Tp. Hồ chí Minh : Đại học quốc gia Tp. Hồ chí Minh, 2002. - 251 tr. ; 20 cm.	495.1507 NG550P 2002	1,2,3	3	C	1VVa11183
257	NGŨ PHÁP SỐ CẤP 2 (D1)		TK	现代汉语八百词 : 增订本 / 吕叔湘 主编. - 北京 商务印书馆, 1999. - 760页 20 cm.	495.1	Khoa Ngữ Văn Trung Quốc	1	C	

258	NGŨ PHÁP SƠ CẤP 2 (D1)		TK	Học ngữ pháp tiếng Hoa thật đơn giản = 图说汉语语法 / Trương Gia Quyền, Trương Lệ Mai. - TP. Hồ Chí Minh : Văn hóa - Văn nghệ, 2015. - 291 tr. ; 24 cm.	495.1 H419N 2015	1,2,3,4	10	C	VVa67654
259	NGŨ PHÁP SƠ CẤP 2 (D1)		PM	Website: http://www.zdic.net/		Internet		C	
260	Ngữ pháp sơ cấp 2 (D4)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất gồm 6 cuốn dành cho học viên và 2 cuốn dành cho giáo viên). T.2, Q.T / Dương Ký Châu ; Trần Thị Thanh Liêm chủ biên dịch ; Hoàng Khải Hưng ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội,	495.1 GI-108T T.2,Q.T-2013	1,2,3,4	7	C	VLa5844
261	Ngữ pháp sơ cấp 2 (D4)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất gồm 6 cuốn dành cho học viên và 2 cuốn dành cho giáo viên). T.2, Q.H / Dương Ký Châu ; Trần Thị Thanh Liêm ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013. - 168 tr. ; 27 cm.	495.1 GI-108T T.2,Q.H-2013	1,2,3,4	7	C	VLa5842
262	Ngữ pháp sơ cấp 2 (D4)		TK	Ngữ pháp tiếng Hán hiện đại : Học ngữ pháp qua các bài học trắc nghiệm / Trần Phương Thảo, Trương Văn Giới. - Tp. Hồ chí Minh : Đại học quốc gia Tp. Hồ chí Minh, 2002. - 251 tr. ; 20 cm.	495.1507 NG550P 2002	1,2,3	3	C	1VVa11183
263	Ngữ pháp sơ cấp 2 (D4)		TK	现代汉语八百词 : 增订本 / 吕叔湘主编. - 北京 商务印书馆, 1999. - 760页 20 cm.	495.1	Khoa Ngữ Văn Trung Quốc	1	C	
264	Ngữ pháp sơ cấp 2 (D4)		TK	Học ngữ pháp tiếng Hoa thật đơn giản = 图说汉语语法 / Trương Gia Quyền, Trương Lệ Mai. - TP. Hồ Chí Minh : Văn hóa - Văn nghệ, 2015. - 291 tr. ; 24 cm.	495.1 H419N 2015	1,2,3,4	10	C	VVa67654

265	Ngữ pháp sơ cấp 2 (D4)		PM	Website: http://www.zdic.net/		Internet		C	
266	Ngữ pháp tiếng Hán thực hành		GT	Tập bài soạn môn Ngữ pháp tiếng Hán thực hành (lưu hành nội bộ) / Tổng Thị Quỳnh Hoa. - Thành phố Hồ Chí Minh, 2021.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
267	Ngữ pháp tiếng Hán thực hành		TK	现代汉语语法教程 / 丁崇明. - 北京大学出版社, 北京, 2009.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
268	Ngữ pháp tiếng Hán thực hành		TK	实用汉语语法 = A practical Chinese grammar / 房玉清. - 北京 : 北京语言大学出版社, 2019. - 13, 513 页 ; 24 cm.	495.1807 S555 2019	2	1	C	TQV3272
269	Ngữ pháp tiếng Hán thực hành		TK	实用现代汉语语法 / 刘月华, 潘文娉, 故韡. - 北京 : 商务印书馆, 2017. - 1005 页 ; 21 cm.	495.1807 S555 2017	2	1	C	TQV3270
270	Ngữ pháp tiếng Hán thực hành		TK	现代汉语八百词 : 增订本 / 吕叔湘主编. - 北京 商务印书馆, 1999. - 760页 20 cm.	495.1	Khoa Ngữ Văn Trung Quốc	1	C	
271	Ngữ pháp tiếng Hán thực hành		TK	常用虚词例释 / 陈田顺. - 北京语言大学出版社, 北京, 2009.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
272	Ngữ pháp trung cấp 1 (D1)		GT	Giáo trình Hán ngữ = 汉语教程 (phiên bản mới nhất gồm 6 cuốn dành cho học viên và 2 cuốn dành cho giáo viên). T.3, Q.H / Dương Kỳ Châu ; Trần Thị Thanh Liêm ... [và những người khác] dịch. - Hà Nội : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013. - 220 tr. ; 21 cm.	495.1 GI-108T T.3,Q.H-2013	1,2,3,4	7	C	VLa5838
273	Ngữ pháp trung cấp 1 (D1)		GT	Giáo trình Nhịp cầu quyển 1 / Trần Chúc 陈灼, 2003. 《桥梁---实用汉语中级教程》(上), Bắc Kinh: Nhà xuất bản Đại Học Ngôn ngữ Bắc Kinh.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	

274	Ngữ pháp trung cấp 1 (D1)		TK	Ngữ pháp tiếng Hán hiện đại : Học ngữ pháp qua các bài học trắc nghiệm / Trần Phương Thảo, Trương Văn Giới. - Tp. Hồ chí Minh : Đại học quốc gia Tp. Hồ chí Minh, 2002. - 251 tr. ; 20 cm.	495.1507 NG550P 2002	1,2,3	3	C	1VVa11183
275	Ngữ pháp trung cấp 1 (D1)		TK	现代汉语八百词 : 增订本 / 吕叔湘主编. - 北京 商务印书馆, 1999. - 760页 20 cm.	495.1	Khoa Ngữ Văn Trung Quốc	1	C	
276	Ngữ pháp trung cấp 1 (D1)		TK	现代汉语. 上 / 黄伯荣. - 高等学校文科教材, 2004.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
277	Ngữ pháp trung cấp 1 (D1)		TK	现代汉语. 下 / 黄伯荣. - 北京 : 高等学校文科教材, 2004.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
278	Ngữ pháp trung cấp 1 (D1)		TK	图示汉语语法 : 汉语对照. / 耿二岭编. - 北京 : 北京语言大学出版社, 2018. - 255 页 : 图 ; 24 cm.	495.1807 H233 2018	2	1	C	TQV3318
279	Ngữ pháp trung cấp 1 (D1)		PM	Website: http://www.zdic.net/		Internet		C	
280	Ngữ pháp Trung cấp 1 (D4)		GT	Giáo trình Nhịp cầu duyên 1 / Trần Chúc 陈灼, 2003. 《桥梁---实用汉语中级教程》 (上), Bắc Kinh: Nhà xuất bản Đại Học Ngôn ngữ Bắc Kinh.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
281	Ngữ pháp Trung cấp 1 (D4)		TK	Ngữ pháp tiếng Hán hiện đại : Học ngữ pháp qua các bài học trắc nghiệm / Trần Phương Thảo, Trương Văn Giới. - Tp. Hồ chí Minh : Đại học quốc gia Tp. Hồ chí Minh, 2002. - 251 tr. ; 20 cm.	495.1507 NG550P 2002	1,2,3	3	C	1VVa11183
282	Ngữ pháp Trung cấp 1 (D4)		TK	现代汉语八百词 : 增订本 / 吕叔湘主编. - 北京 商务印书馆, 1999. - 760页 20 cm.	495.1	Khoa Ngữ Văn Trung Quốc	1	C	

283	Ngữ pháp Trung cấp 1 (D4)		TK	现代汉语. 上 / 黄伯荣. - 高等学校文科教材, 2004.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
284	Ngữ pháp Trung cấp 1 (D4)		TK	现代汉语. 下 / 黄伯荣. - 北京 : 高等学校文科教材, 2004.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
285	Ngữ pháp Trung cấp 1 (D4)		TK	图示汉语语法 : 汉语对照. / 耿二岭编. - 北京 : 北京语言大学出版社, 2018. - 255 页 : 图 ; 24 cm.	495.1807 H233 2018	2	1	C	TQV3318
286	Ngữ pháp Trung cấp 1 (D4)		PM	Website: http://www.zdic.net/		Internet		C	
287	Ngữ pháp trung cấp 2 (D1)		GT	桥梁 — 实用汉语中级教程 (上) / 陈灼. 北京语言大学出版社, 2003.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
288	Ngữ pháp trung cấp 2 (D1)		GT	桥梁 — 实用汉语中级教程 (下) / 陈灼. - 北京语言大学出版社, 2003.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
289	Ngữ pháp trung cấp 2 (D1)		TK	现代汉语八百词 : 增订本 / 吕叔湘主编. - 北京 商务印书馆, 1999. - 760页 20 cm.	495.1	Khoa Ngữ Văn Trung Quốc	1	C	
290	Ngữ pháp trung cấp 2 (D1)		TK	实用现代汉语语法 / 刘月华, 潘文娱, 故韡. - 北京 : 商务印书馆, 2017. - 1005 页 ; 21 cm.	495.1807 S555 2017	2	1	C	TQV3270
291	Ngữ pháp trung cấp 2 (D1)		TK	1700 对近义词语用法对比 = 1700 groups of frequently used Chinese synonyms / 杨寄洲, 贾永芬 编. - 北京 : 北京语言大学出版社, 2005. - 65, 1641 页 ; 21cm.	495.1312 Y511 23 ed.	2	1	C	TDV3118
292	Ngữ pháp trung cấp 2 (D4)		GT	桥梁 — 实用汉语中级教程 (上) / 陈灼. - 北京语言大学出版社, 2003.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	

293	Ngữ pháp trung cấp 2 (D4)		TK	现代汉语八百词：增订本 / 吕叔湘主编. - 北京 商务印书馆, 1999. - 760页 20 cm.	495.1	Khoa Ngữ Văn Trung Quốc	1	C	
294	Ngữ pháp trung cấp 2 (D4)		TK	实用现代汉语语法 / 刘月华, 潘文娉, 故韡. - 北京：商务印书馆, 2017. - 1005 页；21 cm.	495.1807 S555 2017	2	1	C	TQV3270
295	Ngữ pháp trung cấp 2 (D4)		TK	1700 对近义词语用法对比 = 1700 groups of frequently used Chinese synonyms / 杨寄洲, 贾永芬 编. - 北京：北京语言大学出版社, 2005. - 65, 1641 页；21cm.	495.1312 Y511 23 ed.	2	1	C	TDV3118
296	Ngữ pháp trung cấp 3		GT	Tập bài soạn môn Ngữ pháp tiếng Hán thực hành (lưu hành nội bộ) / Tổng Thị Quỳnh Hoa. - Thành phố Hồ Chí Minh, 2021.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
297	Ngữ pháp trung cấp 3		TK	中国民俗 / 舒燕. - 北京：北京语言文化大学出版社, 2002.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
298	Ngữ pháp trung cấp 3		TK	中国风俗概观 / 杨存天. - 北京：北京大学出版社, 1994.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
299	NHẬP MÔN VĂN HÓA TRUNG QUỐC		YK	中国文化常识 / 刘泽彭. - 北京：外语教学与研究出版社, 2007.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
300	NHẬP MÔN VĂN HÓA TRUNG QUỐC		YK	中华文化探秘 / 山齐. - 上海：上海古籍出版社, 2005.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
301	NHẬP MÔN VĂN HÓA TRUNG QUỐC		TK	神秘的节俗 / 张君. - 广西：广西人民出版社, 2007.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	

302	Phân tích lỗi Ngữ pháp thường gặp		GT	Phân tích lỗi Ngữ pháp thường gặp (Tài liệu học tập do giảng viên biên soạn)		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
303	Phân tích lỗi Ngữ pháp thường gặp			现代汉语八百词：增订本 / 吕叔湘主编. - 北京 商务印书馆, 1999. - 760页 20 cm.	495.1	Khoa Ngữ Văn Trung Quốc	1	C	
304	Phân tích lỗi Ngữ pháp thường gặp		TK	汉语语法教程 / 孙德金著. - 北京：北京语言大学出版社, 2003. - 298页 26 cm.	495.15 H233	Khoa Ngữ Văn Trung Quốc	1	C	
305	Phân tích lỗi Ngữ pháp thường gặp		TK	实用现代汉语语法 / 刘月华, 潘文娣, 故韩. - 北京：商务印书馆, 2017. - 1005 页；21 cm.	495.1807 S555 2017	2	1	C	TQV3270
306	Phân tích lỗi Ngữ pháp thường gặp		TK	1700 对近义词语用法对比 = 1700 groups of frequently used Chinese synonyms / 杨寄洲, 贾永芬 编. - 北京：北京语言大学出版社, 2005. - 65, 1641 页；21cm.	495.1312 Y511 23 ed.	2	1	C	TDV3118
307	Quản dụng ngữ trong khẩu ngữ tiếng Hán		GT	汉语口语习惯用语教程 / 沈建华. - 北京语言大学出版社, 2007.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
308	Quản dụng ngữ trong khẩu ngữ tiếng Hán		TK	惯用语一千条 / 孙治平, 叶敏华 编. - 上海：上海文艺出版社, 2004. . - 142 页：图；19 cm.	495.182 G913 2004	2	1	C	TQN1030
309	Quản dụng ngữ trong khẩu ngữ tiếng Hán		TK	惯用语10000条 / 温端政, 吴建生 主编. - 上海：上海辞书出版社, 2014. - 330 页：图；19 cm.	398.951 G913 2014	2	1	C	TDN1096
310	Quản dụng ngữ trong khẩu ngữ tiếng Hán		TK	汉语口语习惯用语365 = 365 idiomatic expressions in spoken Chinese / 刘铁英, 王新梅 编；潘震英译；吴薇 绘图. - 北京：北京语言文化大学出版社, 2009. - 292 页：图；21 cm + CD-ROM.	495.1807 H233	2	1	CR	TQV3259

311	Quản dụng ngữ trong khẩu ngữ tiếng Hán		TK	汉语口语常用句：俄文版 / 柳燕敏, 翟艳 编. - 北京：北京语言大学出版社, 2010. - 325 页：图；19 cm.	495.1807 H233 2010	2	1	C	TQN1031
312	Thực tập chuyên ngành		TK	Quy định của khoa về sinh viên đi thực tập chuyên ngành. - Khoa NVTQ, 2018.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
313	Thực tập chuyên ngành		TK	Quy cách trình bày báo cáo thực tập chuyên ngành. - Khoa NVTQ, 2018.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
314	Thực tập chuyên ngành		TK	Phiếu tiếp nhận sinh viên thực tập. - Khoa NVTQ, 2018.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
315	Thực tập chuyên ngành		TK	Phiếu nhận xét sinh viên thực tập. - Khoa NVTQ, 2018.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
316	Thực tập chuyên ngành		TK	Trang vàng người Hoa TP.HCM và Nam Bộ. - Nhà xuất bản Lao Động, 2007.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
317	Thực tập chuyên ngành		TK	Bài báo cáo thực tập thực tế tiêu biểu của các khóa sinh viên khóa trước		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
318	Thực tập thực tế		GT	Tài liệu tập huấn thực tập thực tế chuyên ngành do giảng viên biên soạn.				C	
319	Thực tập thực tế		TK	Tuyển chọn 1 số tài liệu khảo sát văn bản chữ Hán, bài báo cáo tổng kết thực tập, bài thu hoạch, bài tiểu luận và khóa luận tốt nghiệp tiêu biểu có đề tài khảo sát văn bản chữ Hán từ các đợt thực tập thực tế của các sinh viên khóa trước.				C	

320	Thực tập thực tế		TK	Những tài liệu liên quan đến địa phương sẽ đến thực tập thực tế và di sản chữ Hán ở địa phương ấy.				C	
321	TIẾNG HÁN DU LỊCH – KHÁCH SẠN		GT	Giáo trình Hướng dẫn viên du lịch tiếng Hán = 汉语实务教程模拟导游 / Trương Gia Quyền chủ biên ; Tô Phương Cường, Mai Thu Hoài, Nguyễn Thị Hoàng Oanh, Hoàng Quỳnh Anh, Trương Mỹ Vân, Huỳnh Thị Chiêu Uyên, Hồ Hữu Huỳnh. - TP. Hồ Chí Minh : Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh,	338.4791 GI-10	1,2	2	C	131000081720
322	TIẾNG HÁN DU LỊCH – KHÁCH SẠN		GT	导游实务 / 全国导游人员资格考试教材编写组编. - 北京 : 旅游教育出版社, 2017. - 257 页 ; 23 cm.	910.4 D211 2017	2	1	C	TQV3315
323	TIẾNG HÁN DU LỊCH – KHÁCH SẠN		GT	汉语职业普通话口语 / 钟文佳主编. - 重庆 : 重庆出版社, 2006. - 381 页 : 图 ; 21 cm. + 1光盘.	495.101 H233 2006	2	1	C	TQV3309
324	TIẾNG HÁN DU LỊCH – KHÁCH SẠN		TK	导游实务实训教程 / 王春玲, 陆霞主编. - 北京 : 旅游教育出版社, 2011. - 257 页 ; 23 cm.	910.4 D211 2011	2	1	C	TQV3280
325	TIẾNG HÁN DU LỊCH – KHÁCH SẠN		TK	金山银海 - 越南 : 越南旅游指南 / 齐建国, 高德可, 张加祥. - 上海 : 上海锦绣文章出版社, 2013. - 147页 : 彩图 ; 21 cm.	915.97 J61 2013	2	1	C	TQV3265
326	Tiếng Hán thương mại		GT	高级商务汉语会话教程 : 尔雅中文. 中 / 刘丽瑛 编. - 北京 : 北京大学出版社, 2019. - 168 页 : 图 ; 29 cm. + 1光盘. + 1参考答案(27页;23cm)	495.17071 G211 2019	2	1	C	TQL240
327	Tiếng Hán thương mại		GT	商务汉语写作教程 / 杨东升, 陈子骄. - 中国 : 北京语言大学出版社, 2016.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	

328	Tiếng Hán thương mại		TK	卓越汉语 - 公司实战篇 / 史中琦. - ,外语教学与研究出版, 2010		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
329	Tiếng Hán thương mại		TK	公司汉语 / 李立, 丁安琪 编. - 北京 : 北京大学出版社, 2016. - 167 页 : 图 ; 26 cm.	495.107 G588 2016	2	1	C	TQV3297
330	Tiếng Hán Văn Phòng		GT	Tập bài giảng của GV				C	
331	Tiếng Hán Văn Phòng		GT	卓越汉语 - 公司实战篇 / 史中琦. - ,外语教学与研究出版, 2010		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
332	Tiếng Hán Văn Phòng		TK	公司汉语 / 李立, 丁安琪 编. - 北京 : 北京大学出版社, 2016. - 167 页 : 图 ; 26 cm.	495.107 G588 2016	2	1	C	TQV3297
333	Tiếng Hán Văn Phòng		TK	从零开始学做文秘工作 / 薛显东 编. - 北京 : 人民邮电出版社 2019. - 275 页 : 图 ; 26 cm.	651.3 C749 2019	2	1	C	TQV3317
334	Tu từ		GT	Tài liệu nội bộ				C	
335	Tu từ		TK	Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt / Cù Đình Tú. - Hà Nội : Giáo dục, 2001. - 328 tr. ; 24 cm.	495.95501 PH431C 2001	1,2	2	CR	1VVa10761
336	Tu từ		TK	Về những thủ pháp nghệ thuật trong văn chương truyện Kiều / Phạm Đan Quế. - Hà Nội : Thanh Niên, 2004. - 332 tr. ; 21 cm	745.6	TV Khoa học Tổng hợp - Kho 8	1	C	VV 1417/2016
337	TỪ VỰNG VĂN HOÁ TRUNG QUỐC		GT	汉语与中国传统文化 : 修订本 / 郭锦浮. - 北京 : 商务印书馆, 2015. - 418 页 : 图 ; 23 cm.	306.440951 H233 2015	2	1	C	TQV3310
338	TỪ VỰNG VĂN HOÁ TRUNG QUỐC		TK	汉语词汇和华夏文化 / 杨琳. - 北京 : 语文出版社, 1996. - 266 页 ; 20 cm.	495.101 H233 1996	2	1	C	TQV3264
339	TỪ VỰNG VĂN HOÁ TRUNG QUỐC		TK	汉语词汇和华夏文化 / 常敬宇. - 北京 : 北京大学出版社, 2019. - 286 页 : 图 ; 21 cm.	495.101 H233 2019	2	1	C	TQV3313

340	Văn học Trung Quốc		GT	Trung Quốc văn học giảng nghĩa = 中国文学讲义 : Tập bài giảng / NGUYỄN ĐÌNH PHÚC chủ biên.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
341	Văn học Trung Quốc		TK	Trung Quốc văn học sử = 中国文学史 / Viên Hành Bái. - Bắc Kinh : Cao đẳng giáo dục xuất bản xã, 2001.		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
342	Văn học Trung Quốc		TK	中国文学十五讲 / 周先慎. - 北京 : 北京大学出版社, 2014. - 426 页 ; 23 cm.	895.1 Z637 2014	2	1	C	TQV3311
343	VĂN NGÔN		GT	Giáo trình văn ngôn / Trần Anh Tuấn. - TP. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2007. - 230 tr. ; 21 cm.	495.1 GI-108T 2007	1,2,3,4,5,6	20	CR	VVa34428
344	VĂN NGÔN		TK	Nho văn giáo khoa toàn thư = 儒文教科全書 / Nguyễn Văn Ba. - Tái bản lần thứ ba. - Sài Gòn : Việt Nam văn hiến, 1970. - 701 tr.	495.1	TV Khoa học Tổng hợp - Kho 7, kho 8	2	CR	NC 1375
345	VĂN NGÔN		TK	Tiếng Hoa thực hành: Hán văn / Trần Trọng San. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1991. - 327 tr..	495.186 T306H 1991	1.2	2	CR	1VV5128
346	VĂN NGÔN		TK	王力主编《古代汉语》，中华书局出版，2007		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	
347	VĂN NGÔN		TK	古代汉语. 上册 / 徐宗才, 李文编. - 北京 : 北京语言大学出版社, 2014. - 326 页 ; 26 cm.	495.101 G896 2014	2	1	C	TQV3274
348	Văn tự - Từ vựng học		GT	汉字教程 = Văn tự học chữ Hán = Hanzì jiaocheng / Nguyễn Đình Phúc, Trương Gia Quyền, Lê Quang Trường. - TP. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015. - 99 tr. ; 21 cm.	495.1 H233 2015	1,2,3,4,5,6	20	C	TQV3038

349	Văn tự - Từ vựng học		GT	汉语词汇教程：语言知识类 / 万艺玲 主编. - 北京：北京语言大学出版社, 2018. - 190 页：图；26 cm.	495.101 H233 2018	2	1	C	TQV3304
350	Văn tự - Từ vựng học		TK	Chữ Hán Trung Quốc / Hàn Giám Đường ; Đặng Thủy Thúy dịch ; Trương Gia Quyền hiệu đính. - TP. Hồ Chí Minh : Tổng hợp ; Trung Quốc : Truyền Bá Ngũ Châu, 2012. - 158 tr. ; 23 cm.	495.1 CH550H 2012	1,2,3,4	4	C	VVa56063
351	Văn tự - Từ vựng học		TK	现代汉语词汇 / 符淮青. - 北京：北京大学, 2004. - 254页；21 cm.	495.12 X4 2004	1.2	2	C	TQV000000149
352	Văn tự - Từ vựng học		TK	Giáo trình Hán Tự / Trương Tinh Hiền. - Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2004. (张静贤《汉字教程》，北京语言大学出版社, 2004.)		Khoa Ngữ Văn Trung Quốc		C	

CHÚ THÍCH: NƠI LƯU TRỮ

Lưu ý: Đối với nguồn tài liệu tại Thư viện Trường ĐHKHXH&NV Tp. HCM.

Kho 0	Kho lưu
Kho 1	Phòng đọc 1 – Cơ sở 1 Đinh Tiên Hoàng
Kho 2	Phòng đọc 2 – Cơ sở 2 Linh Trung–Thủ Đức
Kho 3	Phòng mượn – Cơ sở 1 Đinh Tiên Hoàng
Kho 4	Phòng mượn – Cơ sở 2 Linh Trung–Thủ Đức

Đối với nguồn tài liệu tại các thư viện ngoài Thư viện Trường ĐHKHXH&NV Tp. HCM

TVTT	Thư viện Trung tâm
TVKHTH	Thư viện Khoa học Tổng hợp
TVĐHM	Thư viện Đại học Mở
VTNMT	Viện Tài nguyên Môi trường
TVĐHKTL	TVĐHKTL Đại học Kinh tế - Luật
TVĐHBK	TVĐHBK Đại học Bách Khoa
TVĐHQT	TVĐHQT Đại học Quốc tế